BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2006/QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Mã luật Khí tượng nông nghiệp

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 91/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 141/HĐBT ngày 24 tháng 8 năm 1982 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ban hành Điều lệ công tác tiêu chuẩn hóa;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khí tượng Thủy văn và Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Tiêu chuẩn ngành: 94 TCN 2 - 2006 "Mã luật Khí tượng nông nghiệp".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2006. Bãi bỏ Mã luật Khí tượng nông nghiệp do Tổng cục Khí tượng Thủy văn xuất bản năm 1993.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khí tượng Thủy văn, Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Công Thành

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com
09698114

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TIÊU CHUẨN NGÀNH

MÃ LUẬT
KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com
09698114

Cơ quan biên soạn và đề nghị ban hành: **Viện Khí tượng Thủy văn**

Thủ trưởng cơ quan: PGS. TS. Trần Thục
Viện trưởng

Người thực hiện: CN. Nguyễn Thị Hồng Minh
Chủ nhiệm đề tài

Cơ quan trình duyệt: **Vụ Khí tượng Thủy văn**

Thủ trưởng cơ quan: K.S. Nguyễn Trung Nhân
Vụ trưởng

Cơ quan xét duyệt ban hành: **Bộ Tài nguyên và Môi trường**

Thủ trưởng cơ quan: Mai Ái Trực
Bộ trưởng

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com
09698114

Quyết định ban hành số 01/2006/QĐ-BTNMT ngày 11 tháng 01 năm 2006

TIÊU CHUẨN NGÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	**MÃ LUẬT KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP**	**TIÊU CHUẨN NGÀNH (Ký hiệu và số hiệu tiêu chuẩn)**
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG		**Có hiệu lực từ** *ngày 01 tháng 6 năm 2006*

Để đáp ứng nhu cầu của các đài Khí tượng Thủy văn khu vực, các trạm Khí tượng, Khí tượng Nông nghiệp về Mã luật khí tượng nông nghiệp (KTNN), Viện Khí tượng Thủy văn biên soạn Mã luật KTNN nhằm điều chỉnh, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với Quy phạm quan trắc khí tượng nông nghiệp ban hành năm 2000.

Mã luật KTNN được biên soạn dựa trên tinh thần kế thừa Mã luật KTNN ban hành năm 1993, đồng thời có bổ sung, sửa đổi các nhóm phát báo để nâng cao hiệu quả sử dụng các thông tin khí tượng nông nghiệp, đáp ứng các yêu cầu đổi mới của công tác nghiên cứu và phục vụ khí tượng nông nghiệp.

Mã luật KTNN này thay thế mã luật cùng tên xuất bản năm 1993.

Nội dung Mã luật KTNN bao gồm:

1. Quy định chung
2. Mã luật KTNN
3. Hướng dẫn phát báo
4. Các bảng mã
5. Phụ lục.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Các trạm Khí tượng Nông nghiệp, trạm Khí tượng dùng Mã luật này để truyền tin khí tượng nông nghiệp cho Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng Nông nghiệp, Viện Khí tượng Thủy văn. Khi sử dụng phải nghiêm ngặt tuân thủ các chỉ dẫn và hướng dẫn về chuyển điện khí tượng nông nghiệp trong Mã luật này.

1.2. Mã luật KTNN gồm hai loại điện báo riêng biệt: điện AGROM và điện KSAGROM.

1.2.1. Điện **AGROM** gồm hai phần: phần mở đầu, phần nội dung. Các trạm Khí tượng Nông nghiệp và Khí tượng sử dụng điện **AGROM** để phát báo các số liệu quan trắc khí tượng, khí tượng nông nghiệp hàng tuần trong tháng. Điện phải phát báo vào buổi sáng các ngày 01, 11 và 21. Cụ thể điện tuần 1 phát báo buổi sáng ngày 11, điện tuần 2 phát báo buổi sáng ngày 21 và điện tuần 3 phát báo buổi sáng ngày 01 của tháng sau.

1.2.2. Điện **KSAGROM** gồm hai phần: phần mở đầu và phần nội dung. Các trạm Khí tượng Nông nghiệp và Khí tượng được cấp có thẩm quyền quy định thu thập số liệu khí tượng nông nghiệp ngoài khu vực quan trắc khí tượng nông nghiệp của trạm sử dụng điện **KSAGROM** để phát báo số liệu khảo sát khí tượng nông nghiệp hàng tuần trong tháng. Điện phải phát báo vào các ngày 07, 17 và 27 hàng tháng.

1.3. Tất cả các số liệu dùng để thảo mã điện khí tượng nông nghiệp phải là các số liệu được thu thập và quan trắc theo đúng quy phạm quan trắc khí tượng bề mặt, quy phạm Quan trắc khí tượng nông nghiệp và quy phạm Khảo sát khí tượng nông nghiệp trên đồng ruộng.

1.4. Nguyên tắc phát báo phải theo thứ tự của các nhóm (số thứ tự được ghi trong dấu ngoặc đơn bằng số Ả Rập trước mỗi nhóm) và phải tuân thủ theo phần "hướng dẫn phát báo các nhóm". Tuyệt đối không được đảo lộn thứ tự hoặc bỏ bớt các nhóm, các mã số trong nhóm.

1.5. Trường hợp nhóm nào không có hoặc thiếu số liệu quan trắc thì các mã số trong nhóm đó được phát báo là "x".

Riêng đối với các nhóm (18), (19), (20), (21) trong trường hợp không có thiên tai, sâu bệnh hoặc trong tuần không quy định phải quan trắc mật độ cây trồng, tỷ suất đẻ nhánh thì không cần phát báo các nhóm này.

1.6. Trạm có quan trắc nhiều loại cây trồng với nhiều đợt gieo, trồng khác nhau thì trong một bức điện từ nhóm (13) đến nhóm (25) được lặp lại nhiều lần để phát báo cho từng đợt của từng loại cây trồng khác nhau.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

2. MÃ LUẬT KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP

2.1. NỘI DUNG ĐIỆN AGROM

2.1.1. Phần mở đầu

Meteo Hanoi AGROM 48 (iii)

2.1.2. Phần nội dung

- Các nhóm phát báo các yếu tố khí tượng

(1) $\overline{\overline{TTT}}T_xT_x$

(2) $\overline{\overline{T_xT_xT_x}}T_mT_m$

(3) $\overline{\overline{T_mT_mT_m}}T_{gm}T_{gm}$

(4) $\overline{\overline{T_gT_gT_g}}T_{gx}T_{gx}$

(5) $n_{\bar{T}15}n_{\bar{T}15,1-20}n_{\bar{T}20,1-25}n_{\bar{T}25}n_{Tx30}$

(6a) $Đn_{\bar{T}13}n_{\bar{T}13(3n)}n_{Tm15}n_p$

(6b) $Hn_{\bar{T}30}n_{Tx35}n_kn_{RI}$

(7) $f_xn_{fx5}eee$

(8) $RRRn_Rn_{R5}$

(9) $R_đR_đR_đn_{Rđ}n_{R25}$

(10) $R_XR_XR_X\ D_{RX}n_{R50}$

(11) $SSSn_{R0}n_đ$

(12) $\overline{\overline{UUU}}_mU_mn_{Um50}$

- Các nhóm phát báo các yếu tố khí tượng nông nghiệp

(13) NT_gDDM

(14) **FBBĐE**

(15) $E_{\%}E_{\%}HHH$

(16) DDn_En_EG

(17) $ZQP_{\%}U_đU_đ$

(18) $TQ_tQ_tP_{\%}m$

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com
09698114

(19) **$SQ_SQ_SP_{\%}m$** (20) **GGCCC**

(21) **$WWđ_{\%}đ_{\%}đ_{\%}$**

- Các nhóm phát báo kết quả tính toán năng suất sau thu hoạch

(22) **$KBBĐT_g$** (23) **DDM $C_{i\%}C_{i\%}$**

(24) **$LLLL_{\%}L_{\%}$** (25) **$K_{1000}K_{1000}N_SN_SN_S$**

- Các nhóm phát báo kết quả điều tra tác hại của thiên tai và sâu bệnh

(26) **QZDDM** (27) **$P_{\%}mVVV$**

(28) **II_gI_gBB** (29) **JJJJJ**

- Nhóm phát báo về độ ẩm đất quan trắc bằng máy

(30) **$AU_{đ20}U_{đ20}U_{đ50}U_{đ50}$**

2.2. NỘI DUNG ĐIỆN KSAGROM

2.2.1. Phần mở đầu

Meteo Hanoi KSAGROM 48 (iii)

2.2.2. Phần nội dung

- Các nhóm phát báo các yếu tố khí tượng nông nghiệp

(13) **NT_gDDM** (14) **FBBĐE**

(15) **$E_{\%}E_{\%}HHH$** (16) **DDn_En_EG**

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09698114

(17) **ZQP$_{\%}$U$_{đ}$U$_{đ}$** (18) **TQ$_{t}$Q$_{t}$P$_{\%}$m**

(19) **SQ$_{S}$Q$_{S}$P$_{\%}$m** (20) **GGCCC**

(21) **WWđ$_{\%}$đ$_{\%}$đ$_{\%}$**

- Các nhóm phát báo kết quả tính toán năng suất sau thu hoạch

(22) **KBBĐT$_{g}$** (23) **DDM C$_{i\%}$C$_{i\%}$**

(24) **LLLL$_{\%}$L$_{\%}$** (25) **K$_{1000}$K$_{1000}$N$_{S}$N$_{S}$N$_{S}$**

- Các nhóm phát báo kết quả điều tra tác hại của thiên tai và sâu bệnh

(26) **QZDDM** (27) **P$_{\%}$mVVV**

(28) **II$_{g}$I$_{g}$BB** (29) **JJJJJ**

- Nhóm phát báo về độ ẩm đất quan trắc bằng máy

(30) **AU$_{đ20}$U$_{đ20}$U$_{đ50}$U$_{đ50}$**

3. HƯỚNG DẪN PHÁT BÁO

3.1. Điện AGROM

3.1.1. Phần mở đầu

Meteo Hanoi AGROM 48 (iii)

- **Meteo Hanoi AGROM**: phần mở đầu không đổi;
- **48**: biểu số miền (Việt Nam thuộc miền 48);
- **(iii)**: biểu danh trạm (xem phần Phụ lục).

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09698114

3.1.2. Phần nội dung

- Các nhóm phát báo các yếu tố khí tượng

Số liệu dùng để phát báo các nhóm này là số liệu của các báo cáo BKT-1, BKT-15, BKT-3.

(1) $\overline{TTT}$ T_XT_X

- $\overline{TTT}$: nhiệt độ không khí trung bình tuần, lấy đến phần mười độ, phát báo 3 số theo trị số thực;

- T_XT_X: nhiệt độ không khí tối cao trong tuần, lấy tròn 2 số, số lẻ < 0,5 bỏ đi, ≥ 0,5 lấy lên 1.

Ví dụ:

Nhiệt độ không khí tối cao trong tuần 32,4^{0}C phát báo 32; 34,6^{0}C phát báo 35; 34,5^{0}C phát báo 35.

(2) $\overline{T_XT_XT_X}$ T_mT_m

- $\overline{T_XT_XT_X}$: nhiệt độ không khí tối cao trung bình tuần, lấy đến phần mười độ, phát báo 3 số theo trị số thực;

- T_mT_m: nhiệt độ không khí tối thấp trong tuần, lấy tròn 2 số, số lẻ < 0,5 bỏ đi, số lẻ ≥ 0,5 lấy lên 1 theo giá trị tuyệt đối.

Trường hợp nhiệt độ xuống dưới 0^{0}C thì cộng thêm 50 vào trị số tuyệt đối để phát báo.

Ví dụ:

Nhiệt độ không khí tối thấp trong tuần là -1,3^{0}C phát báo 51

Nhiệt độ không khí tối thấp trong tuần là -3,5^{0}C phát báo 54.

(3) $\overline{T_mT_mT_m}T_{gm}T_{gm}$

- $\overline{T_mT_mT_m}$: nhiệt độ không khí tối thấp trung bình tuần, lấy đến phần mười độ, phát báo 3 số theo trị số thực;

- $T_{gm}T_{gm}$: nhiệt độ mặt đất tối thấp trong tuần, cách phát báo như cách phát báo T_mT_m.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

(4) $\overline{T_g T_g T_g} T_{gx} T_{gx}$

- $\overline{T_g T_g T_g}$: nhiệt độ mặt đất trung bình tuần, lấy đến phần mười độ, phát báo 3 số theo trị số thực;

- $T_{gx} T_{gx}$: nhiệt độ mặt đất tối cao trong tuần, cách phát báo như cách phát báo $T_x T_x$.

(5) $n_{\overline{T}15} n_{\overline{T}15,1-20} n_{\overline{T}20,1-25} n_{\overline{T}25} n_{Tx30}$

- $n_{\overline{T}15}$: số ngày có nhiệt độ không khí trung bình ≤ 15,0^{0}C trong tuần, phát báo 1 số theo bảng 1;

- $n_{\overline{T}15,1-20}$: số ngày có nhiệt độ không khí trung bình từ 15,1 đến 20,0^{0}C trong tuần, phát báo 1 số theo bảng 1;

- $n_{\overline{T}20,1-25}$: số ngày có nhiệt độ không khí trung bình từ 20,1 đến 25,0^{0}C trong tuần, phát báo 1 số theo bảng 1;

- $n_{\overline{T}25}$: số ngày có nhiệt độ không khí trung bình > 25,0^{0}C trong tuần, phát báo 1 số theo bảng 1;

- n_{Tx30}: số ngày có nhiệt độ không khí tối cao > 30,0^{0}C trong tuần, phát báo 1 số theo bảng 1.

(6a) $Đn_{\overline{T}13} n_{\overline{T}13(3n)} n_{Tm15} n_p$

- **Đ**: biểu số nhóm không đổi, chỉ phần phát báo các yếu tố khí tượng **từ 1/X đến 30/IV của các tỉnh từ Thừa Thiên - Huế trở ra và tỉnh Lâm Đồng;**

- $n_{\overline{T}13}$: số ngày có nhiệt độ không khí trung bình ≤ 13,0^{0}C trong tuần, phát báo 1 số theo bảng 1;

- $n_{\overline{T}13(3n)}$: số đợt có nhiệt độ không khí trung bình ngày ≤ 13,0^{0}C xảy ra liên tục từ 3 ngày trở lên trong tuần (từ 3 ngày liên tục trở lên có nhiệt độ ≤ 13,0^{0}C được tính là 1 đợt), phát báo 1 số theo thực tế số đợt;

- n_{Tm15}: số ngày có nhiệt độ không khí thấp nhất ≤ 15,0^{0}C trong tuần, phát báo 1 số theo bảng 1;

- n_P: số ngày có mưa phùn trong tuần, phát báo 1 số theo bảng 1.

(6b) $H n_{\overline{T}30} n_{TX35} n_K n_{RI}$

- **H**: biểu số nhóm không đổi, chỉ phần phát báo các yếu tố khí tượng **trong suốt**

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

cả năm cho các tỉnh từ Đà Nẵng trở vào và từ 1/V đến 30/IX cho các tỉnh từ Thừa Thiên - Huế trở ra và tỉnh Lâm Đồng;

- $\mathbf{n_{\bar{T}30}}$: số ngày có nhiệt độ không khí trung bình ≥ 30,0^{0}C trong tuần, phát báo 1 số theo bảng 1;

- $\mathbf{n_{Tx35}}$: số ngày có nhiệt độ không khí tối cao ≥ 35,0^{0}C trong tuần, phát báo 1 số theo bảng 1;

- $\mathbf{n_K}$: số ngày có gió khô nóng trong tuần (tiêu chuẩn $T_XT_X \geq 35,0^0$C và $U_m \leq 55\%$), phát báo 1 số theo bảng 1;

- $\mathbf{n_{RI}}$: số ngày liên tục có mưa dài nhất trong tuần (kể từ 2 ngày trở lên, ngày có lượng mưa 00 không tính là ngày có mưa), phát báo 1 số theo bảng 1;

Chú ý: Nhóm 6 có nhóm 6a và 6b, mỗi bức điện chỉ sử dụng 1 trong 2 nhóm theo quy định như đã hướng dẫn.

(7) $\mathbf{f_x n_{fx5} eee}$

- $\mathbf{f_x}$: tốc độ gió mạnh nhất trong tuần, đơn vị là cấp, phát báo 1 số theo bảng 2;

- $\mathbf{n_{fx5}}$: số ngày có gió mạnh nhất ≥ cấp 5 trong tuần, phát báo 1 số theo bảng 1;

- **eee**: tổng lượng bốc hơi trong tuần (theo Piche), phát báo 3 số, lấy tròn mm, số lẻ xử lý như T_xT_x. Trường hợp tổng lượng bốc hơi < 10 mm thêm 2 số 0 đằng trước, từ 10 đến 99 mm thêm 1 số 0 đằng trước).

Ví dụ: Lượng bốc hơi 8,4 mm, phát báo 008;

Lượng bốc hơi 91,5 mm, phát báo 092.

(8) $\mathbf{RRRn_R n_{R5}}$

- **RRR**: tổng lượng mưa cả tuần, phát báo 3 số, lấy tròn mm, số lẻ xử lý như eee, trường hợp không mưa (kể cả lượng mưa 0,0) phát báo RRR, lượng mưa từ 0,1 - 0,4 phát báo 000;

- $\mathbf{n_R}$: số ngày có mưa trong tuần (ngày có lượng mưa từ 0,1 mm trở lên được tính là một ngày có mưa), phát báo 1 số theo bảng 1;

- $\mathbf{n_{R5}}$: số ngày có lượng mưa ≥ 5,0 mm trong tuần, phát báo 1 số theo bảng 1.

(9) $\mathbf{R_đR_đR_đn_{Rđ}n_{R25}}$

- $\mathbf{R_đR_đR_đ}$: tổng lượng mưa 5 ngày đầu tuần, phát báo như cách phát báo RRR;

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

- $\mathbf{n_{Rd}}$: số ngày có mưa 5 ngày đầu tuần, phát báo như cách phát báo n_R;

- $\mathbf{n_{R25}}$: số ngày có lượng mưa ≥ 25,0 mm trong tuần, phát báo 1 số theo bảng 1.

(10) $\mathbf{R_XR_XR_X\ D_{RX}n_{R50}}$

- $\mathbf{R_XR_XR_X}$: lượng mưa ngày lớn nhất trong tuần, phát báo như cách phát báo RRR;

- $\mathbf{D_{RX}}$: ngày có tổng lượng mưa lớn nhất trong tuần, phát báo 1 số theo bảng 3;

- $\mathbf{n_{R50}}$: số ngày có lượng mưa ≥ 50,0 mm trong tuần, phát báo 1 số theo bảng 1.

(11) **SSS** $\mathbf{n_{R0}n_d}$

- **SSS**: tổng số giờ nắng trong tuần, phát báo 3 số, lấy tròn giờ, cách phát báo như cách phát báo eee;

- $\mathbf{n_{R0}}$: số ngày liên tục không mưa dài nhất (kể từ 2 ngày trở lên) trong tuần (lượng mưa 00 cũng coi là không mưa), phát báo 1 số theo bảng 1;

- $\mathbf{n_d}$: số ngày có dông trong tuần, phát báo 1 số theo bảng 1;

(12) $\mathbf{\overline{UU}U_mU_mn_{Um50}}$

- $\mathbf{\overline{UU}}$: độ ẩm không khí tương đối trung bình trong tuần, phát báo 2 số theo trị số thực, ẩm độ 100% phát báo 00;

- $\mathbf{U_mU_m}$: độ ẩm không khí tương đối thấp nhất trong tuần, phát báo 2 số theo trị số thực, độ ẩm 100% phát báo 00;

- $\mathbf{n_{Um50}}$: số ngày có độ ẩm không khí thấp nhất ≤ 50% trong tuần, phát báo 1 số theo bảng 1.

- Các nhóm phát báo các yếu tố khí tượng nông nghiệp

(13) $\mathbf{NT_gDDM}$

- **N**: biểu số không đổi, chỉ nhóm xác định tên cây trồng và ngày tháng gieo trồng;

- $\mathbf{T_g}$: nhóm giống cây trồng, phát báo 1 số theo bảng 4;

- **DD**: ngày gieo (cấy, trồng), phát báo 2 số theo trị số thực; các ngày từ 1 đến ngày 9 trong tháng khi phát báo DD thêm 1 số 0 đằng trước;

- **M**: tháng gieo (cấy, trồng), phát báo 1 số theo bảng 15.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com
09698114

Chú ý: Mỗi đợt chỉ phát báo nhóm này 1 lần trong tuần đầu, khi mới gieo (cấy, trồng).

(14) **FBBĐE**

- **F**: biểu số nhóm không đổi chỉ phần phát báo về các yếu tố khí tượng nông nghiệp;

- **BB**: tên cây trồng, phát báo 2 số theo bảng 5;

- **Đ**: đợt gieo (cấy, trồng) quan trắc, phát báo 1 số theo bảng 6;

- **E**: tên kỳ phát dục, phát báo 1 số theo bảng 7.

Chú ý:

- Trong tuần có 2 kỳ phát dục trở lên thì phát báo kỳ phát dục nào gần ngày phát báo nhất

- Kỳ phát dục trước đã kết thúc mà kỳ phát dục tiếp theo chưa đến thì mã số E vẫn phát báo tên của kỳ phát dục đã kết thúc cho đến khi kỳ phát dục mới xảy ra

- Trường hợp khi mới gieo (cấy, trồng) mà trong tuần không có kỳ phát dục thì mã số E phát báo 0 và các nhóm từ nhóm (15) đến nhóm (16) không cần phát báo

- Trường hợp mới gieo (cấy, trồng) mà trong tuần có kỳ phát dục thì sau khi phát báo ngày, tháng gieo (cấy, trồng) phải phát báo đầy đủ thông tin bằng các nhóm tiếp theo.

Ví dụ 1:

Lúa mùa (đợt 1) thuộc nhóm giống dài ngày, gieo ngày 18/V, độ ẩm đất cấp 1, trong tuần không có kỳ phát dục nào. Bức điện của tuần 2/V phần "các yếu tố khí tượng nông nghiệp" phát báo như sau: N3185 F1510 Z0001

Ví dụ 2:

Lúa mùa (đợt 3) thuộc giống ngắn ngày, gieo ngày 26/V, mọc mầm phổ biến ngày 29/V, không bị thiên tai tác hại, độ ẩm đất cấp 1, trạng thái sinh trưởng cấp 4. Bức điện của tuần 3/V phần"các yếu tố khí tượng nông nghiệp" phát báo như sau: N1265 F1531 50xxx 29034 Z0001

(15) $\mathbf{E_{\%}E_{\%}HHH}$

- $\mathbf{E_{\%}E_{\%}}$: số phần trăm cây phát dục trong tuần, phát báo 2 số, theo trị số thực, trường hợp 100% phát báo 00 cho đến khi kỳ phát dục mới bắt đầu (≥ 10%);

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

- **HHH**: độ cao trung bình (đo từ mặt đất) của cây trồng ngày cuối tuần, phát báo 3 số, lấy tròn cm, số lẻ < 0,5 bỏ đi, ≥ 0,5 lấy lên 1, < 10 cm thêm 2 số 0 đằng trước, < 100 cm thêm 1 số 0 đằng trước.

Chú ý:

- Trường hợp không đo độ cao, HHH phát báo xxx

- Trường hợp ngày cuối tuần không đo, vì đã đo vào ngày phát dục phổ biến trước đó 2 ngày thì phát báo độ cao ngày phát dục phổ biến

- Cây lúa ở kỳ mọc dóng phổ biến phát báo độ cao h_2

- Cây lúa ở kỳ chắc xanh phổ biến phát báo độ cao h_4.

(16) **DD$n_E n_E$ G**

- **DD**: ngày phát dục phổ biến (≥ 50%), phát báo 2 số theo trị số thực;

- **$n_E n_E$**: số ngày từ kỳ phát dục phổ biến trước đến kỳ phát dục phổ biến hiện tại (tức số ngày giữa 2 kỳ phát dục), phát báo 2 số theo trị số thực.

Chú ý: trong tuần không có kỳ phát dục nào thì **DD$n_E n_E$** phát báo xxxx

- **G:** trạng thái sinh trưởng của cây trồng ngày cuối tuần trên thửa quan trắc, phát báo 1 số theo bảng 8.

Ví dụ:

Tuần 2 tháng VIII quan trắc lúa mùa đợt 1, không có kỳ phát dục (đã kết thúc kỳ mọc dóng từ tuần trước đó), độ cao cây 48,0 cm, trạng thái sinh trưởng cấp 4, phát báo như sau:

F1517 00048 xxxx4.

(17) **ZQP$_{\%}$U$_d$U$_d$**

- **Z**: biểu số không đổi, chỉ nhóm phát báo tác hại của thời tiết, sâu bệnh và độ ẩm đất;

- **Q**: mã số chỉ nguyên nhân gây tác hại, phát báo 1 số theo bảng 9;

- **P$_{\%}$**: phần trăm cây trồng bị hại do tất cả các nguyên nhân gây ra (bao gồm thời tiết, sâu bệnh, chuột, chim, ốc bươu vàng, trâu bò... hoặc không rõ nguyên nhân) trên cả thửa ruộng quan trắc, phát báo 1 số theo bảng 10.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Chú ý: Trường hợp có nhiều nguyên nhân gây tác hại thì phát báo nguyên nhân gây tác hại nặng nhất hoặc đang có chiều hướng nghiêm trọng.

- $\mathbf{U_dU_d}$: ẩm độ đất. Có 2 trường hợp:

+ Trường hợp dùng cho cây trồng cạn: ẩm độ được quan trắc bằng mắt, đơn vị sử dụng trong quan trắc là cấp, mã số $\mathbf{U_dU_d}$ phát báo theo bảng 11;

+ Trường hợp dùng cho ruộng mạ, lúa nước và các cây trồng nước khác: ẩm độ được quan trắc bằng đo mực nước ở ruộng (đơn vị đo lấy tròn cm), mã số $\mathbf{U_dU_d}$ được quy định cụ thể phát báo như sau:

- Độ sâu mực nước từ 1 đến 3 cm phát báo 06

- Độ sâu mực nước từ 4 đến 7 cm phát báo 07

- Độ sâu mực nước từ 8 đến 99 cm phát báo trị số thực, trường hợp < 10 cm khi phát báo thêm 1 số 0 đằng trước

- Độ sâu mực nước ≥ 100 cm phát báo 00.

Chú ý: - Phát báo ẩm độ đất hoặc mực nước ruộng quan trắc vào ngày cuối tuần

- Trường hợp ruộng mạ, ruộng lúa nước hoặc các cây trồng nước bị khô cạn hết nước mặt, độ ẩm đất quan trắc theo 5 cấp như đối với cây trồng cạn, $\mathbf{U_dU_d}$ phát báo theo bảng 11.

- Trường hợp ruộng quan trắc các cây trồng cạn bị ngập nước thì ẩm độ được quan trắc bằng đo mực nước như đối với ruộng lúa nước.

(18) $\mathbf{TQ_tQ_tP_{\%}m}$

- **T**: biểu số không đổi chỉ nhóm diễn tả tác hại của thời tiết;

- $\mathbf{Q_tQ_t}$: tên loại thời tiết tác hại ứng với bộ phận cây trồng bị hại, phát báo 2 số theo bảng 12;

- $\mathbf{P_{\%}}$: phần trăm cây trồng bị hại do thời tiết gây ra trên cả thửa ruộng quan trắc, phát báo 1 số theo bảng 10;

- **m**: mức độ bị hại, phát báo 1 số theo bảng 13.

Chú ý:

- Trường hợp có nhiều bộ phận bị hại, nhưng cây chưa chết thì phát báo bộ phận bị hại nặng nhất, có ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của cây (thời kỳ sinh trưởng dinh dưỡng) hoặc làm giảm năng suất (thời kỳ sinh trưởng sinh thực)

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

- Trường hợp trong tuần cây trồng không bị tác hại do thời tiết thì không phát báo nhóm (18).

(19) **$SQ_SQ_SP_{\%}m$**

- **S**: biểu số không đổi chỉ nhóm diễn tả tác hại của sâu bệnh;

- **Q_SQ_S**: tên sâu bệnh gây hại nặng nhất trên ruộng quan trắc, phát báo 2 số theo bảng 14;

- **$P_{\%}$**: phần trăm cây trồng bị hại do sâu bệnh gây ra, phát báo 1 số theo bảng 10;

- **m**: mức độ bị hại, phát báo 1 số theo bảng 13.

Chú ý:

- Trường hợp cây trồng bị hại nhưng không xác định được loại sâu bệnh và các tác hại khác gây hại, hoặc các loại sâu bệnh, tác hại đó không có quy định trong bảng 14 thì mã số Q_SQ_S phát báo xx

- Trường hợp trong tuần không có sâu bệnh hoặc các tác hại khác thì không phát báo nhóm (19).

(20) **GGCCC**

- **GG**: biểu số nhóm không đổi chỉ phần phát báo về mật độ cây trồng;

- **CCC**: số cây trung bình/m^2, phát báo 3 số theo trị số thực, < 10 cây/m^2 thêm 2 số 0 đằng trước, < 100 cây/m^2 thêm 1 số 0 đằng trước.

Chú ý:

- Ruộng mạ phát báo số cây trung bình/400 cm^2

- Ruộng lúa gieo thẳng kỳ 3 lá phát báo số cây trung bình/1600 cm^2

- Các cây trồng quan trắc mật độ trên diện tích lớn, tính ra mật độ trên 1m^2 để phát báo

- Nếu trong tuần không quy định quan trắc mật độ cây trồng thì không phát báo nhóm (20).

(21) **$WWđ_{\%}đ_{\%}đ_{\%}$**

- **WW**: biểu số nhóm không đổi chỉ phần phát báo về tỷ suất đẻ nhánh của cây trồng

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09698114

- **đ%đ%đ%**: tỷ suất đẻ nhánh của cây trồng, phát báo 3 số theo trị số thực, số lẻ < 0,5 bỏ, ≥ 0,5 lấy lên 1, < 10% thêm 2 số 0 đằng trước, < 100% thêm 1 số 0 đằng trước.

Chú ý:

- Nếu đã ngừng quan trắc tỷ suất đẻ nhánh thì không phát báo nhóm (21)

- Đến thời kỳ quy định quan trắc, nhưng nhánh đẻ chưa đủ tiêu chuẩn thì **đ%đ%đ%** phát báo 000, khi đã sang kỳ mọc dóng mà tỷ suất nhánh đẻ còn tăng thì vẫn quan trắc và phát báo.

- Những cây trồng không quy định quan trắc tỷ suất đẻ nhánh thì không cần phát báo nhóm (21).

Ví dụ:

Lúa mùa đợt 1, mọc dóng 65% ngày 8 tháng IX, số ngày từ kỳ "đẻ nhánh phổ biến" đến kỳ "mọc dóng phổ biến" là 23 ngày, độ cao h_1 là 49 cm, trạng thái sinh trưởng cấp 3, độ sâu mực nước ruộng là 20 cm, 40% diện tích bị hại do sâu cuốn lá và châu chấu, trong đó chủ yếu tác hại là do sâu cuốn lá (số diện tích bị sâu hại khoảng 30%), mức độ hại nhẹ, mật độ cây trồng ngày mọc dóng phổ biến 115 cây, tỷ suất đẻ nhánh 71%. Bức điện tuần 1 tháng IX phần "các yếu tố khí tượng nông nghiệp" phát báo như sau:

F1517 65049 08233 Z2420 S5232 GG115 WW071.

- Các nhóm phát báo kết quả tính toán năng suất sau thu hoạch

(22) **KBBĐT$_g$**

- **K**: biểu số nhóm không đổi, chỉ phần phát báo các kết quả tính toán sau thu hoạch;

- **BB**: chỉ tên cây, phát báo 2 số theo bảng 5;

- **Đ**: đợt thu hoạch, phát báo 1 số theo bảng 6;

- **T$_g$**: nhóm giống, phát báo 1 số theo bảng 4.

(23) **DDM C$_{i\%}$C$_{i\%}$**

- **DD**: ngày thu hoạch, phát báo 2 số theo trị số thực;

- **M**: tháng thu hoạch, phát báo 1 số theo bảng 15;

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

- $C_{i\%}C_{i\%}$: tỷ lệ phần trăm cây kết quả/m^2, phát báo 2 số theo trị số thực, < 10% thêm 1 số 0 đằng trước, trường hợp 100% báo 00.

(24) $LLLL_{\%}L_{\%}$

- **LLL**: số hạt trung bình của 1 bông (lúa), 1 bắp (ngô), 1 khóm (lạc)..., phát báo 3 số theo trị số thực, < 10 thêm 2 số 0 đằng trước, < 100 thêm 1 số 0 đằng trước;

- $L_{\%}L_{\%}$: tỷ lệ phần trăm hạt lép, cách phát báo giống như cách phát báo mã $C_{i\%}C_{i\%}$.

(25) $K_{1000}K_{1000}N_SN_SN_S$

- $K_{1000}K_{1000}$: trọng lượng 1000 hạt (lúa), đơn vị là gam, phát báo 2 số theo trị số thực;

Riêng đối với một số loại cây như: ngô, đậu tương, đậu hà lan, cà phê, lạc, thầu dầu phát báo khối lượng 100 hạt, đối với cây chè phát báo khối lượng 100 búp tươi.

- $N_SN_SN_S$: năng suất thực thu, đơn vị là tạ/ha, phát báo 3 số theo trị số thực, lấy 1 số lẻ. Năng suất < 10,0 tạ/ha phát báo 1 số 0 đằng trước, trường hợp thiếu số liệu năng suất thực thu phát báo xxx.

Chú ý: Khi phát báo phần "kết quả tính toán sau thu hoạch" phải phát báo đầy đủ các nhóm từ (22) đến nhóm (25). Trường hợp cây trồng không quan trắc một số hạng mục năng suất thì các mã số đó phát báo "x".

Ví dụ:

Ngô đợt 1, giống ngắn ngày, thu hoạch ngày 28 tháng 9, số hạt trung bình/bắp 527, khối lượng 100 hạt 25 gam, năng suất thực thu 38,5 tạ/ha, phần "phát báo kết quả tính toán sau thu hoạch" phát báo như sau: K1611 289xx 527xx 25385.

Ghi chú: Phần "kết quả tính toán sau thu hoạch" từ nhóm (22) đến nhóm (25), chỉ phát báo một lần trong vụ đối với mỗi đợt gieo trồng và phải phát báo đầy đủ các nhóm. Trường hợp một số cây trồng không quy định quan trắc một số yếu tố cấu thành phần năng suất thì mã số trong nhóm đó phát báo "x".

- Các nhóm phát báo kết quả điều tra tác hại của thiên tai và sâu bệnh

(26) **QZDDM**

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

- **Q**: biểu số nhóm không đổi chỉ phần phát báo kết quả điều tra tác hại của thiên tai trên khu vực quanh trạm (theo quy định ở điểm c mục 1.6.4 quy phạm quan trắc khí tượng nông nghiệp)

- **Z**: tên thiên tai gây tác hại, phát báo 1 số theo bảng 16;

- **DD**: ngày xảy ra thiên tai, phát báo 2 số theo trị số thực;

- **M**: tháng xảy ra thiên tai, phát báo 1 số theo bảng 15.

Chú ý: Trường hợp có từ 2 loại thiên tai trở lên thì nhắc lại 2,3... lần Q để phát báo riêng cho rừng loại.

(27) **$P_{\%}$mVVV**

- **$P_{\%}$**: phần trăm cây trồng bị hại do thiên tai gây ra, phát báo 1 số theo bảng 10;

- **m**: mức độ bị hại, phát báo 1 số theo bảng 13;

- **VVV**: cường độ (hoặc tên cụ thể) của thiên tai, phát báo 3 số, các yếu tố phát báo khác nhau theo từng loại thiên tai được quy định trong bảng 17.

(28) **II_gI_gBB**

- **I:** mã số phát báo đơn vị thời gian, tùy thuộc vào từng loại thiên tai mà đơn vị thời gian dùng phát báo có thể là phút, giờ hoặc ngày. Quy định như sau:

+ Nếu đơn vị phát báo là phút thì I phát báo P

+ Nếu đơn vị phát báo là giờ thì I phát báo G

+ Nếu đơn vị phát báo là ngày thì I phát báo N_g

- **I_gI_g**: mã số chỉ thời gian kéo dài (có thể không liên tục) của thiên tai, phát báo 2 số theo trị số thực, < 10 thêm 1 số 0 đằng trước, trường hợp không xác định được thời gian kéo dài thì I_gI_g phát báo xx;

- **BB**: tên cây trồng bị hại nặng nhất, phát báo 2 số theo bảng 5.

(29) **JJJJJ**

- **JJJJJ:** tổng diện tích bị hại do thiên tai gây ra, đơn vị là ha, phát báo 5 số theo trị số thực, < 10 000 ha thêm 1 số 0 đằng trước, < 1 000 ha thêm 2 số 0 đằng trước v.v...

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com
09698114

Ví dụ 1:

Sương muối xảy ra từ ngày 23 đến ngày 25/II, nhiệt độ không khí thấp nhất trong những ngày xảy ra sương muối là - 2,7^{0}C, 75% cây trồng bị hại, mạ xuân bị hại nặng nhất, mức độ hại rất nặng, tổng diện tích các loại cây trồng bị hại là 52 ha, phần "phát báo kết quả điều tra tác hại của thiên tai" phát báo như sau:

Q2232 85527 N_g0312 00052.

Ví dụ 2:

Mưa đá xảy ra ngày 10/V, đường kính trung bình hạt mưa đá là 2,5 cm, thời gian mưa kéo dài 18 phút, 60% cây trồng ở vùng xảy ra mưa đá bị hại, trong đó rau bắp cải bị hại nặng nhất, mức độ hại nặng, tổng diện tích bị hại là 18 ha, phần "phát báo kết quả điều tra tác hại của thiên tai" phát báo như sau:

Q3105 64025 P1842 00018.

Ví dụ 3:

Mưa lớn ngày 22/IX, 70% cây trồng bị hại, mức độ hại nặng, trong đó lúa mùa bị hại nặng nhất, thời gian mưa kéo dài 35 giờ, cường độ mưa lớn nhất trong 24 giờ là 750 mm, tổng diện tích bị hại khoảng 1 200 ha, trong đó diện tích lúa bị úng nặng là 500 ha, mực nước ruộng lúa lúc cao nhất là 95 cm, phần "phát báo kết quả điều tra tác hại của thiên tai" phát báo như sau:

Q4229 74750 G3515 01200

Q6229 74095 xxx15 00500.

Ghi chú:

Phần "kết quả điều tra tác hại của thiên tai và sâu bệnh" từ nhóm (26) đến nhóm (29), chỉ phát báo khi có điều tra tác hại trên đồng ruộng nhân dân và phải phát báo đầy đủ các nhóm khi có quan trắc. Trường hợp nhóm nào không có hoặc thiếu số liệu quan trắc thì các mã số trong nhóm đó được phát báo là "x".

- Nhóm phát báo về độ ẩm đất quan trắc bằng máy

(30) **A$U_{đ20}U_{đ20}U_{đ50}U_{đ50}$**

- **A**: biểu số nhóm không đổi chỉ phần phát báo về độ ẩm đất hữu hiệu quan trắc bằng khoan sấy, đơn vị phát báo là mm, phát báo 2 số theo trị số thực, trường hợp ≥ 100 mm phát báo 00

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

- $U_{d20}U_{d20}$: ẩm độ đất hữu hiệu ở độ sâu 20cm;

- $U_{d50}U_{d50}$: ẩm độ đất hữu hiệu ở độ sâu 50cm.

Chú ý:

Nhóm (30) chỉ phát báo đối với các trạm quy định quan trắc độ ẩm đất bằng máy.

3.2. ĐIỆN KSAGROM

3.2.1. Phần mở đầu

- Meteo Hanoi KSAGROM: là phần mở đầu không đổi;

- 48: biểu số miền (Việt Nam thuộc miền 48);

- (iii): biểu số trạm (xem phần phụ lục).

3.2.2. Phần nội dung

Nội dung của điện **KSAGROM** chỉ khác điện **AGROM** ở chỗ không có các nhóm phát báo các yếu tố khí tượng. Do đó tất cả các hướng dẫn phát báo về nội dung từ nhóm (13) đến nhóm (30) của điện **AGROM** áp dụng vào việc soạn thảo và phát báo điện **KSAGROM**.

4. CÁC BẢNG MÃ

Bảng 1. Mã phát báo số ngày

Số ngày	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9-10-11
Mã phát báo	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9

Bảng 2. Mã phát báo tốc độ gió mạnh nhất trong tuần

Tốc độ gió(m/s)	0-5,4	5,5-7,9	8,0-10,7	10,8-13,8	13,9-17,1	17,2-20,7	20,8-24,4	24,5-28,4	28,5-32,6	32,7-36,9
Cấp gió Beaufor	≤ 3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Mã số f_x	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Bảng 3. Mã phát báo các ngày trong tuần

Ngày trong tuần	1 11 21	2 12 22	3 13 23	4 14 24	5 15 25	6 16 26	7 17 27	8 18 28	9 19 29	10 20 30,31
Mã phát báo	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0

Bảng 4. Mã phát báo các nhóm giống cây trồng

Giống	Ngắn ngày	Trung ngày	Dài ngày
Mã số T_g	1	2	3

Bảng 5. Mã phát báo tên cây trồng

11 lúa chiêm	12 lúa xuân	13 lúa xuân hè	14 lúa hè thu	15 lúa mùa	16 ngô	17 khoai lang	18 sắn
19 khoai tây	20 lạc	21 chè lớn	22 chè gieo hạt	23 cà phê	24 cao su	25 thuốc lá	26 mía
27 bông	28 thầu dầu	29 Dâu tằm	30 đay	31 trẩu vườn sản xuất	32 trẩu vườn ươm	33 sở vườn ươm	34 sở vườn sản xuất
35 hồi	36 cam	37 chanh	38 bưởi	39 dứa	40 chuối	41 đậu tương	42 đậu côve
43 đậu hà lan	44 bắp cải	45 su hào	46 cà chua	47 dưa chuột	48 bầu	49 bí	50 cỏ họ hòa thảo

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09698114

51 cỏ họ đậu	52 xoan	53 gạo	54 bông gòn	55 phượng vĩ	56 đại	57 sim	58 mua
59 thông	60 bàng	61 hoa ban	62 hoa đào	63 hoa mai			

Chú thích: Trong bảng 5 các chữ số bên trên mỗi ô là mã số chỉ tên các loại cây trồng.

Bảng 6. Mã phát báo đợt gieo trồng

Đợt	1	2	3	4	5	6	7	≥ 8
Mã số Đ	1	2	3	4	5	6	7	8

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Bảng 7. Mã phát báo kỳ phát dục cây trồng

Mã số E / Cây trồng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	A	B
Lúa	mọc mầm	lá thứ 3	lá thứ 5	cấy	bén rễ hồi xanh	đẻ nhánh	mọc dóng	trỗ bông	ngậm sữa	chắc xanh	chín hoàn toàn
Ngô	mọc mầm	lá thứ 3		lá thứ 7			trỗ bông	nở hoa	phun râu	chín sữa	chín hoàn toàn
Khoai lang					bén rễ hồi xanh	ra nhánh			hình thành củ	kín luống	củ già
Sắn	mọc mầm					ra lá				phân cành	củ già
Khoai tây	mọc mầm					ra nhánh	ra nụ	nở hoa	hoa tàn	rạc lá	củ già
Lạc	mọc mầm	lá thật thứ 3						nở hoa		hình thành củ	củ già

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Bảng 7. Mã phát báo kỳ phát dục cây trồng (tiếp theo)

Mã số E / Cây trồng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	A	B
Chè lớn	nảy chồi	lá thật thứ nhất				búp hái	búp mù				ngừng sinh trưởng
Chè gieo hạt	mọc mầm	lá cá đầu tiên	lá thật thứ nhất				búp mù	ra nụ	nở hoa	hình thành quả	quả chín
Cà phê	đâm chồi						ra nụ	nở hoa		hình thành quả	quả chín
Cao su	ra lá mới							nở hoa		quả chín	rụng lá
Thuốc lá	mọc mầm		lá thật thứ 5		phục hồi sinh trưởng	ra nhánh	ra nụ	nở hoa		lá chín kỹ thuật	
Mía	mọc mầm	lá thật thứ nhất	lá thật thứ 3			đẻ nhánh	làm đòng	trỗ bông cờ		chín kỹ thuật	
Bông	mọc mầm	lá thật thứ 3					ra nụ	nở hoa			nẻ quả

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Bảng 7. Mã phát báo kỳ phát dục cây trồng (tiếp theo)

Mã số E / Cây trồng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	A	B
Thầu dầu	mọc mầm	lá thứ 3				phân cành		ra hoa		quả chín	
Dâu tằm	mọc mầm					đâm chồi	ra lá			ngừng sinh trưởng	
Đay	mọc mầm	lá thật thứ 3			lá thật thứ 20		ra nụ	chín kỹ thuật	nở hoa	quả chín	
Trẩu (trong vườn ươm)	mọc mầm	lá thật thứ nhất	lá thật thứ 3							rụng lá	
Trẩu (trong vườn sản xuất)	đâm chồi	ra lá mới							nở hoa	quả chín	rụng lá
Sở (trong vườn ươm)	mọc mầm	lá thật thứ nhất	lá thật thứ 3								rụng lá
Sở (trong vườn sản xuất)	đâm chồi	ra lá mới							nở hoa	quả chín	rụng lá

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Bảng 7. Mã phát báo kỳ phát dục cây trồng (tiếp theo)

Mã số E / Cây trồng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	A	B
Hồi	đâm chồi	ra lá mới						nở hoa		quả chín	
Cam, chanh, bưởi		ra lá mới					ra nụ	nở hoa		quả chín	
Dứa		ra lá mới					ra hoa tự	nở hoa		quả chín	
Chuối					phục hồi sinh trưởng	ra lá		ra hoa		quả chín	
Đậu tương	mọc mầm	lá kép thứ 3					ra nụ	nở hoa	ra quả	quả chín	
Đậu cô ve	mọc mầm	lá thật thứ 3					ra nụ	nở hoa		quả chín	
Đậu hà lan	mọc mầm	lá thật thứ 3					ra vòi	nở hoa	ra quả	quả già	

Bảng 7. Mã phát báo kỳ phát dục cây trồng (kết thúc)

Mã số E / Cây trồng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	A	B
Bắp cải	mọc mầm		lá thật thứ 5		hồi xanh		trải lá bàng	cuốn lá			thu hoạch
Xu hào	mọc mầm		lá thật thứ 5		hồi xanh					hình thành củ	
Cà chua	mọc mầm		lá thật thứ 5		hồi xanh		ra nụ	nở hoa		quả chín	
Dưa chuột	mọc mầm	lá thật thứ 3	lá thật thứ 5					nở hoa		quả thành thục	
Bầu, bí	mọc mầm	lá thật thứ 3					ra nụ	nở hoa		quả chín	
Cỏ chăn nuôi (cỏ họ hòa thảo)	mọc mầm (hoặc bén rễ đâm chồi)					đẻ nhánh	làm đóng	trỗ bông, nở hoa		chín hạt	
Cỏ chăn nuôi (cỏ họ đậu)	mọc mầm (hoặc bén rễ đâm chồi)	lá thật thứ 3				ra nhánh	ra nụ	nở hoa		quả chín	
Cây tự nhiên	đâm chồi					ra lá mới		nở hoa	rụng lá	quả chín	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Bảng 8. Mã phát báo trạng thái sinh trưởng cây trồng

Trạng thái sinh trưởng	Xấu	Kém	Trung bình	Khá	Tốt
Cấp	1	2	3	4	5
Mã số G	1	2	3	4	5

Bảng 9. Mã phát báo nguyên nhân gây tác hại

Tên thiên tai	Không có thiên tai	Thời tiết	Sâu	Bệnh	Chuột, chim và các tác hại khác
Mã số Q	0	1	2	3	4

Bảng 10. Mã phát báo số phần trăm cây trồng bị hại

Số % cây trồng bị hại	Không hại	≤ 10	11-20	21-30	31-40	41-50	51-60	61-70	71-80	> 80
Mã số $P_{\%}$	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9

Bảng 11. Mã phát báo độ ẩm đất

Mức độ ẩm ướt	Rất khô	Tương đối khô	Ẩm trung bình	Ẩm	Quá ẩm
Cấp	1	2	3	4	5
Mã số U_dU_d	01	02	03	04	05

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Bảng 12. Mã phát báo tên loại thời tiết và bộ phận cây trồng bị hại

Bộ phận bị hại / Tên thời tiết hại	Mầm chết	Lá, thân, cành	Rễ, củ	Nụ, hoa, quả	Cây chết
Rét hại	01	02	03	04	05
Sương muối	06	07	08	09	10
Mưa đá	11	12	13	14	15
Mưa lớn	16	17	18	19	20
Bão	21	22	23	24	25
Gió lớn	26	27	28	29	30
Gió khô nóng	31	32	33	34	35
Hạn hán	36	37	38	39	40
Úng ngập	41	42	43	44	45
Bão + mưa lớn + úng ngập	46	47	48	49	50

Bảng 13. Mã phát báo mức độ hại

Mức độ hại	Rất nhẹ	Nhẹ	Tương đối nặng	Nặng	Rất nặng
Mã số m	1	2	3	4	5

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Bảng 14. Mã phát báo loại sâu bệnh hại

Sâu	51 đục thân	52 cuốn lá	53 sâu keo	54 sâu gai	55 sâu năn
	56 bọ xít đen	57 bọ trĩ	58 cắn dé	59 sâu xám	60 sâu khoang
	61 rầy (các loại)	62 rệp (các loại)	63 sâu xanh	64 ban miêu	65 cành tơ
	66 ba ba	67 nhện đỏ	68 sâu chùm	69 sâu hồng	70 sâu đo
	71 vẽ bùa	72 dế	73 châu chấu	74 sâu loang	75 sâu phao
Bệnh	76 tiêm lửa	77 vàng lụi	78 đạo ôn	79 bạc lá	80 von
	81 đốm nâu	82 nghẹt rễ	83 khô vằn	84 thối đỏ bắp ngô	85 xoắn lá
	86 mốc sương	87 rỉ sắt	88 thối quả	89 phồng lá	90 vân thuốc lá
	91 phấn trắng	92 nấm hồng	93 bệnh loét	94 bệnh sẹo	95 bạch tạng
Tác hại khác	96 chim	97 trâu, bò	98 chuột	99 ốc bươu vàng	xx các tác hại khác, hoặc không rõ nguyên nhân

Chú thích: Trong bảng 14 các chữ số ở bên trên mỗi ô là mã số chỉ tên các loại sâu, bệnh hoặc các tác hại khác.

Bảng 15. Mã phát báo các tháng trong vụ

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Mã số M	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	A	B

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09698114

Bảng 16. Mã phát báo tên thiên tai gây tác hại

Tên thiên tai	Rét hại	Sương muối	Mưa đá	Mưa lớn	Bão, gió lớn	Lũ, úng ngập	Gió khô nóng	Hạn	Sâu bệnh
Mã số Z	1	2	3	4	5	6	7	8	9

Bảng 17. Mã phát báo cường độ (hoặc tên) thiên tai xảy ra

Loại thiên tai	Yếu tố phát báo	Cách phát báo mã số VVV
Rét hại	Số đợt rét hại (nhiệt độ trung bình ngày ≤ 13^{0}C từ 3 ngày trở lên)	Phát báo theo số đợt thực xảy ra, thêm 2 số 0 đằng trước
Sương muối	Nhiệt độ không khí thấp nhất (^{0}C)	Phát báo trị số thực, lấy 1 số lẻ, trường hợp < 10,0^{0}C thêm 1 số 0 đằng trước, ≤ 0^{0}C cộng thêm 50,0 vào trị số tuyệt đối để phát báo
Mưa đá	Đường kính trung bình hạt mưa đá (cm)	Phát báo theo trị số thực, lấy 1 số lẻ, < 10 thêm 1 số 0 đằng trước
Hạn	Ẩm độ đất quan trắc bằng mắt ở độ sâu 0 - 10 cm	Đơn vị là cấp, trước trị số thực thêm 2 số 0 đằng trước
Gió khô nóng	Nhiệt độ không khí cao nhất (^{0}C)	Phát báo theo trị số thực, lấy 1 số lẻ
Bão, gió lớn	Tốc độ gió mạnh nhất (m/s)	Phát báo theo trị số thực, thêm 1 số 0 đằng trước trị số thực
Mưa lớn	Cường độ mưa lớn nhất trong 24 giờ (mm)	Phát báo theo trị số thực, lấy tròn mm, số lẻ < 0,5 bỏ, ≥ 0,5 lấy lên 1
Lũ, úng	Độ sâu mực nước ruộng lớn nhất (cm)	Phát báo theo trị số thực, lấy tròn cm, < 100 cm thêm 1 số 0 đằng trước
Sâu bệnh	Tên sâu bệnh	Phát báo theo bảng 14, trước trị số thực thêm 1 số 0 đằng trước

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

5. PHỤ LỤC

DANH SÁCH BIỂU SỐ TRẠM (III)

Tên trạm	(iii)	Tên trạm	(iii)
Điện Biên	811	Đô Lương	/80
Mộc Châu	/25	Vinh	845
Hòa Bình	818	Hà Tĩnh	846
Sa Pa	802	Huế	852
Tuyên Quang	812	Đồng Hới	848
Văn Chấn	/14	Đông Hà	849
Phú Hộ	/51	Đà Nẵng	855
Hà Giang	805	Quảng Ngãi	863
Thái Nguyên	831	An Nhơn (*)	864
Vĩnh Yên	814	Tuy Hòa	873
Lạng Sơn	830	Eakmat (*)	869
Uông Bí	/60	Pleiku	866
Bắc Giang	809	Buôn Ma Thuột	875
Cao Bằng	808	Bảo Lộc	884
Phủ Liễn	826	Nha Trang	877
Ba Vì	/57	Phan Rang	890
Hoài Đức (*)	816	Trà Nóc (*)	//2
Hà Đông	/58	Xuân Lộc (*)	/88
Hải Dương	827	Mỹ Tho	912
Hưng Yên	822	Bạc Liêu	915
Nam Định	823	Tây Ninh	898
Thái Bình	835	Tân Sơn Nhất	900

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09698114

Tên trạm	(iii)	Tên trạm	(iii)
Ninh Bình	824	Mộc Hóa	906
Láng	820	Rạch Giá	907
Phủ Lý	821	Cao Lãnh	908
Thanh Hóa	840	Châu Đốc	909
Yên Định	/67	Sóc Trăng	913
Quỳnh Lưu	/77	Cà Mau	914

Ghi chú:

Những trạm có dấu (*) là những trạm KTNN có biểu số trạm theo quy định tạm thời của Trung tâm nghiên cứu KTNN.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com
09698114

MỤC LỤC

1. Quy định chung 21

2. Mã luật Khí tượng nông nghiệp 22

2.1. Nội dung điện AGROM 22

2.1.1. Phần mở đầu 22

2.1.2. Phần nội dung 22

2.2. Nội dung điện KSAGROM 23

2.2.1. Phần mở đầu 23

2.2.2. Phần nội dung 23

3. Hướng dẫn phát báo 24

3.1. Điện AGROM 24

3.1.1. Phần mở đầu 24

3.1.2. Phần nội dung 25

3.2. Điện KSAGROM 37

3.2.1. Phần mở đầu 37

3.2.2. Phần nội dung 37

4. Các bảng mã 37

5. Phụ lục 49

Mục lục 51

LawSoft Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 0906 8114